

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
THÀNH PHỐ H
=== *&*===

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- *&*-----

Bản án số: 234/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2023

“V/v: T/C Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thơm

2. Ông Dương Đắc Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Ân – Thư ký TAND huyện M.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thùy Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thùy G, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: Ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đ. Nơi đăng ký tạm trú: Thôn Y, xã T, huyện M, Tp. H. (theo Thông báo kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú số 000470/TB ngày 23/8/2022 của Công an xã T, huyện M, thành phố H)

(Tại phiên tòa chị G có mặt, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thùy G trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh T ngày 24/6/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, thành phố H. Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng ở riêng, không ở chung với gia đình nhà chồng, vì vợ chồng đi thuê cửa hàng ở nhiều nơi để bán hàng đồ uống “chè bưởi”. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 03/2019 thì xảy ra mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách và lối sống. Tại phiên tòa chị G xác định anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời cờ bạc lô đề, có lần vợ chồng cãi nhau thì anh T đã đánh chị và đổ hết đồ đặc bán hàng. Vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không có hạnh phúc. Đến tháng 03/2019, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã T, huyện M sinh sống và từ tháng 03/2019 đến nay chị và anh T đã sống ly thân. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân anh T cũng không lần nào gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ chung sống, không hỏi thăm gì đến nhau. Đến tháng 6/2022, anh T có thuê cửa hàng tại chợ đầu cầu thôn Y, xã T, huyện M để kinh doanh buôn bán đồ uống “chè bưởi” thì thỉnh thoảng anh T có sang nhà thăm con, nhưng vợ chồng thì vẫn sống ly thân với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh T nhất trí với quan điểm của chị G về thời gian kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Sau khi cưới vợ chồng ở riêng với gia đình anh vì điều kiện công việc nên vợ chồng đi thuê nhà ở nhiều nơi để kinh doanh bán hàng đồ uống. Đến ngày 29/6/2022, anh T đã thuê nhà tại thôn Y, xã T, huyện M, TP. H để kinh doanh bán hàng đồ uống và anh có đăng ký tạm trú tại thôn Y, xã T, huyện M, H. Từ ngay sau khi cưới chị G và các con vẫn ở nhà ngoại sinh sống còn anh khi nào rảnh rồi có đến thăm vợ con. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau vì bất đồng quan điểm, có 1, 2 lần do nóng giận nên anh có tát chị G vì không để ý đến con. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do chị G bị tác động ở bên ngoài, không có chính kiến riêng. Hiện nay chị G ở nhà bố mẹ đẻ còn anh T thì ăn ở, sinh hoạt tại quán bán hàng tại thôn Y, xã T, huyện M. Nay chị G xin ly hôn thì anh không muốn ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến các con nhưng nếu chị G kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý vì đó là quyết định của chị G.

Về con chung: Cả chị G và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/12/2013 và cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày

28/5/2015. Hiện nay hai con chung đang ở cùng với chị G tại thôn B, xã T, huyện M, thành phố H.

+ Ly hôn, chị G có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị G đang kinh doanh bán hàng “chè bưởi” tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T, huyện M có thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đ, về nơi ở sau ly hôn chị G vẫn tiếp tục ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã T, huyện M và bố mẹ đẻ đã cho chị đất nhưng chưa sang tên.

+ Anh T có quan điểm khi ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi con chung nhưng sau khi biết nguyện vọng của các con chung xin ở với chị G thì anh T cũng đồng ý để chị G nuôi con. Về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung chị G không yêu cầu anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý với quan điểm của chị G.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác, công sức, công nợ: Hai bên đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị G vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, xin được ly hôn với anh T. Về con chung chị G xin được nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thùy G, cho chị G được ly hôn anh T; về con chung giao con chung là Nguyễn Bảo A và Nguyễn Bảo U cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T vì chị G không yêu cầu; Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét. Về án phí chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thùy G và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, huyện M, H, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bên. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị G xác định mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, lơ đãng cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 03/2019 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị G đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã T sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay không quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Theo anh T xác định mâu thuẫn do chị G bị tác động bởi yếu tố bên ngoài, không có chính kiến riêng, chị G vẫn ở nhà ngoại ngay sau khi cưới, còn anh T thì ăn ở, sinh hoạt tại quán đi thuê để kinh doanh bán đồ uống, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Anh T không muốn ly hôn vì không muốn làm ảnh hưởng đến các con nhưng nếu chị G kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị G xác định không còn tình cảm với anh T xin được ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị T. Thực tế vợ chồng chị G và anh T đã sống ly thân với nhau nhiều năm, hiện nay không ai quan tâm, thăm hỏi gì nhau nên cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị G, cho chị G được ly hôn anh T để giải phóng cho các bên, ổn định cuộc sống là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/12/2013 và cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 28/5/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị G tại thôn B, xã T, huyện M, thành phố H. Ly hôn, chị G và anh T đều có nguyện vọng xin nuôi con chung. Tuy nhiên anh T xác định nếu chị G xin nuôi cả hai con thì anh cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Bảo K đang sinh sống ổn định cùng chị G tại thôn B, xã T, anh T cũng nhất trí để chị G là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Do vậy, để ổn định cuộc sống cho các cháu, cần giao cả hai con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng như nguyện vọng của chị G và anh T là phù hợp. Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Ly hôn, anh T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Hai bên đều xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, 273 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thùy G được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/12/2013 và cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Đỗ Thùy G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác*). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thanh T. Ly hôn, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

4. Án phí: Chị G phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0021084 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, thành phố H. (đã nộp đủ)

Quyền kháng cáo: Chị G có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa